

ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN H
MAIL:nhatphong0207@yahoo.com PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC
TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI QUYẾT

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
 TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC PHẦN
MÔN HỌC : VẬT LIỆU XÂY DỰNG
M? MÔN H ỌC : CIE-321 * SỐ TÍN CHỈ : 2 * HỌC KỲ : 3

NGÀY THI: 08/03/2013

LẦN THI: 2

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP SINH HOẠT	LỚP MÔN HỌC	ĐIỂM QT HỌC TẬP (%)					ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
						A	KT 1	KT 2	M	F	SỐ	CHỮ	
						15	7	8	15	55	100		
1	171216210	Nguyễn Thành	An	K17XCD1	K17(CIE 321)A	6	6.5	7	9	4	5.5	Nằm pháp	Nằm
2	171216218	Nguyễn Thanh	B?nh	K17XCD1	K17(CIE 321)A	6.5	4.5	7.5	4.5	4	4.8	Bấ pháp	Tầm
3	171216226	Nguyễn Văn	Công	K17XCD1	K17(CIE 321)B	10	6	8	5.5	2	0.0	Khăng	
4	161216670	Đình Quang	Chức	K17XCD1	K17(CIE 321)A	0	0	0	0	LP	0.0	Khăng	
5	171218833	Lê Xuân	Diệu	K17XCD1	K17(CIE 321)A	9	7.5	5.5	5.5	LP	0.0	Khăng	
6	171216247	Trần Minh	Dương	K17XCD1	K17(CIE 321)A	10	6	7	6.5	2.5	0.0	Khăng	
7	171216242	Phùng Xuân	Đức	K17XCD1	K17(CIE 321)B	8	7	6	7	4	5.4	Nằm pháp	Bấ
8	161217067	Hoàng Minh	Hải	K17XCD1	K17(CIE 321)A	8.5	5	6.5	5	4.5	5.4	Nằm pháp	Bấ
9	171216258	Nguyễn Thái	Hoàng	K17XCD1	K17(CIE 321)A	8.5	6.5	6	5	4.5	5.4	Nằm pháp	Bấ
10	171216270	Phan Thanh	Hưng	K17XCD1	K17(CIE 321)B	5.5	6	5.5	8	LP	0.0	Khăng	
11	171216278	Trần Bá	Lâm	K17XCD1	K17(CIE 321)A	6	5	7.5	9	3	0.0	Khăng	
12	171216294	Trần Văn	Nam	K17XCD1	K17(CIE 321)A	7.5	5	7.5	10	2	0.0	Khăng	
13	171216302	Nguyễn Đức	Nhật	K17XCD1	K17(CIE 321)B	3	5.5	0	5	LP	0.0	Khăng	
14	161327040	Ngô Gia	Phong	K17XCD1	K17(CIE 321)A	0	0	0	0	LP	0.0	Khăng	
15	171216306	Đỗ Hồng	Phong	K17XCD1	K17(CIE 321)B	10	6.5	7.5	8	4	6.0	Sầu	
16	161215176	Nguyễn Văn	Tân	K17XCD1	K17(CIE 321)A	7	7.5	6	5	2	0.0	Khăng	
17	171216334	Nguyễn Văn	Tấn	K17XCD1	K17(CIE 321)B	10	6	5.5	9.5	2.5	0.0	Khăng	
18	171216382	Lê Thanh	Tùng	K17XCD1	K17(CIE 321)B	9	7	7.5	4.5	4	5.3	Nằm pháp	Ba
19	171218859	Nguyễn Sơn	Tùng	K17XCD1	K17(CIE 321)B	5	6	3	9.5	4	5.0	Nằm	
20	171216338	Nguyễn Hồng	Thái	K17XCD1	K17(CIE 321)A	10	7	5.5	4	4	5.2	Nằm pháp	Hai
21	171216342	Nguyễn	Thắng	K17XCD1	K17(CIE 321)A	6.5	7.5	8	7	4	5.4	Nằm pháp	Bấ
22	171218849	Nguyễn Văn	Thiện	K17XCD1	K17(CIE 321)A	2	0	6.5	0	2	0.0	Khăng	
23	161217127	Đặng Ngọc	Trung	K17XCD1	K17(CIE 321)A	4.5	6	6.5	6	2.5	0.0	Khăng	
24	171216366	Nguyễn Hữu	Trung	K17XCD1	K17(CIE 321)B	8	5.5	6	7	2	0.0	Khăng	
25	171216362	Bùi Trung	Trực	K17XCD1	K17(CIE 321)A	9	6.5	5.5	4.5	4	5.1	Nằm pháp	Mắt
26	171216370	Nguyễn Xuân	Trung	K17XCD1	K17(CIE 321)B	8	7.5	7.5	7.5	3	0.0	Khăng	
27	171216390	Trần Thiên	Vũ	K17XCD1	K17(CIE 321)A	0	3.5	0	9	1.5	0.0	Khăng	
28	171216211	Cao Hoàng	An	K17XCD2	K17(CIE 321)B	8.5	4.5	7	9	4	5.7	Nằm pháp	Bấ
29	171218848	Nguyễn Viết	Bi	K17XCD2	K17(CIE 321)A	4	7	6.5	3.5	LP	0.0	Khăng	
30	171216219	Nguyễn Văn	Cánh	K17XCD2	K17(CIE 321)B	9	7	6.5	9.5	4	6.0	Sầu	
31	171216227	Đoàn Tấn	Cường	K17XCD2	K17(CIE 321)B	5.5	6.5	2	7.5	1.5	0.0	Khăng	
32	161215116	Hà Đại	Hiệp	K17XCD2	K17(CIE 321)A	0	0	0	6	LP	0.0	Khăng	
33	171218841	Lê Tân	Hiệp	K17XCD2	K17(CIE 321)A	7	4.5	8	6.5	4.5	5.5	Nằm pháp	Nằm
34	171218852	Nguyễn Văn	H?a	K17XCD2	K17(CIE 321)B	9	6.5	6.5	4.5	4.5	5.5	Nằm pháp	Nằm
35	171216267	Nguyễn Văn	Hùng	K17XCD2	K17(CIE 321)B	9.5	6.5	5.5	8	4	5.7	Nằm pháp	Bấ
36	171216271	Phạm Văn	Hướng	K17XCD2	K17(CIE 321)A	10	5	7.5	7	4	5.7	Nằm pháp	Bấ
37	171218856	Lê Văn	Khánh	K17XCD2	K17(CIE 321)B	8	5	6.5	5.5	4	5.1	Nằm pháp	Mắt
38	171218844	Nguyễn Hải	Lâm	K17XCD2	K17(CIE 321)B	5.5	3.5	6	6	2.5	0.0	Khăng	
39	171216283	Lê Thành	Long	K17XCD2	K17(CIE 321)B	9.5	6	4	7.5	1.5	0.0	Khăng	
40	171216287	Nguyễn Văn	Lưu	K17XCD2	K17(CIE 321)B	10	7	5.5	9	2	0.0	Khăng	

NGÀY THI: 08/03/2013

LẦN THI: 2

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP SINH HOẠT	LỚP MÔN HỌC	ĐIỂM QT HỌC TẬP (%)					ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
						A	KT 1	KT 2	M	F	SỐ	CHỮ	
						15	7	8	15	55	100		
41	171216322	Nguyễn Mạnh	Quốc	K17XCD2	K17(CIE 321)B	9	3	4	9	4.5	5.7	Nằm pháy Baý	
42	171155219	Trần Đ?nh	Song	K17XCD2	K17(CIE 321)A	8	4.5	7.5	8	2.5	0.0	Khăng	
43	171216331	Nguyễn Văn	Son	K17XCD2	K17(CIE 321)B	9	4.5	7	6	2.5	0.0	Khăng	
44	171216379	Trần Mạnh	Tùng	K17XCD2	K17(CIE 321)A	5	4	4	8	1	0.0	Khăng	
45	171216380	Đào Thanh	Tùng	K17XCD2	K17(CIE 321)A	8	5.5	8	8.5	1	0.0	Khăng	
46	171216355	Nguyễn Thị	Thu	K17XCD2	K17(CIE 321)B	9	7	6.5	8.5	4	5.8	Nằm pháy Tầm	
47	171216367	Mai Thê	Trung	K17XCD2	K17(CIE 321)A	3	4.5	8.5	6	2.5	0.0	Khăng	
48	171216363	Nguyễn Văn	Trung	K17XCD2	K17(CIE 321)B	8	6	4	4.5	4	4.8	Bấu pháy Tầm	
49	171216391	V? Quốc	Vương	K17XCD2	K17(CIE 321)B	0	4	0	0	LP	0.0	Khăng	
50	172529041	Trần B?nh	An	K17XCD3	K17(CIE 321)B	7.5	5	5.5	4.5	4.5	5.1	Nằm pháy Mắti	
51	171216228	Ngô Hùng	Cường	K17XCD3	K17(CIE 321)A	6.5	7.5	7.5	9.5	4	5.7	Nằm pháy Baý	
52	171216248	Nguyễn Quốc	Duy	K17XCD3	K17(CIE 321)A	5.5	7.5	6	3	2.5	0.0	Khăng	
53	171216232	Trần Công	Đại	K17XCD3	K17(CIE 321)B	7.5	7	5.5	2.5	4.5	4.9	Bấu pháy Chên	
54	171216240	Cao Văn	Đức	K17XCD3	K17(CIE 321)A	10	5	8	5.5	4	5.5	Nằm pháy Nằm	
55	171216268	Hồ Thanh	Hùng	K17XCD3	K17(CIE 321)B	10	5.5	9.5	6	3	0.0	Khăng	
56	171216272	V? Trọng	Huy	K17XCD3	K17(CIE 321)B	6.5	8.5	5.5	6	2.5	0.0	Khăng	
57	171216276	Hoàng Minh	Khánh	K17XCD3	K17(CIE 321)B	6.5	6.5	4.5	6.5	LP	0.0	Khăng	
58	171219011	Phùng Tuấn	Linh	K17XCD3	K17(CIE 321)B	6.5	8.5	4.5	6.5	3	0.0	Khăng	
59	171216284	Trần Đ?nh	Long	K17XCD3	K17(CIE 321)A	7	4	6	8.5	3	0.0	Khăng	
60	171218843	Nguyễn Tiến	Lộc	K17XCD3	K17(CIE 321)B	0	0	0	0	LP	0.0	Khăng	
61	171216288	Nguyễn Đ?nh	Minh	K17XCD3	K17(CIE 321)A	8.5	3.5	8	3	2.5	0.0	Khăng	
62	171216292	Hoàng Thanh	Nam	K17XCD3	K17(CIE 321)B	10	7	4.5	8	1.5	0.0	Khăng	
63	171216299	Huỳnh Văn	Nguyên	K17XCD3	K17(CIE 321)B	7	6.5	1.5	9	4	5.2	Nằm pháy Hai	
64	171216300	Mai Văn	Nhật	K17XCD3	K17(CIE 321)B	8	5.5	8.5	9	2	0.0	Khăng	
65	171219008	Phan Văn	Nhật	K17XCD3	K17(CIE 321)B	8	5	9.5	9	2	0.0	Khăng	
66	171216320	Nguyễn Xuân	Quang	K17XCD3	K17(CIE 321)B	6.5	6.5	1.5	5	2	0.0	Khăng	
67	171218858	Hồ Ngọc Hưng	Quốc	K17XCD3	K17(CIE 321)A	4	4.5	3	7.5	V	0.0	Khăng	
68	171216328	Lê Vũ	Son	K17XCD3	K17(CIE 321)B	8.5	5.5	9.5	9	2.5	0.0	Khăng	
69	171216332	Trần Huỳnh	Sỹ	K17XCD3	K17(CIE 321)B	7.5	6.5	5.5	8.5	2.5	0.0	Khăng	
70	171216336	Đỗ Thanh	Tây	K17XCD3	K17(CIE 321)A	7.5	7	7.5	9	1	0.0	Khăng	
71	171216356	Nguyễn Trung	Tín	K17XCD3	K17(CIE 321)B	8	7.5	7.5	6	4	5.4	Nằm pháy Bấu	
72	171216360	Nguyễn Thái	Toàn	K17XCD3	K17(CIE 321)B	5	5	1.5	9.5	LP	0.0	Khăng	
73	171216344	Lê Hoàng Công	Thanh	K17XCD3	K17(CIE 321)B	6	6.5	4.5	0	LP	0.0	Khăng	
74	171216340	Đặng Xuân	Thân	K17XCD3	K17(CIE 321)B	10	7	5	5	4	5.3	Nằm pháy Ba	
75	171216364	Nguyễn Tiến	Trung	K17XCD3	K17(CIE 321)A	6.5	7	6	3	2.5	0.0	Khăng	
76	171216368	Phạm Minh	Trung	K17XCD3	K17(CIE 321)B	0	0	0	0	LP	0.0	Khăng	
77	171216372	Lê	Trường	K17XCD3	K17(CIE 321)A	8	4	6	5.5	4	5.0	Nằm	
78	171219012	Phạm Phú	Trường	K17XCD3	K17(CIE 321)B	8	7	9.5	3.5	1	0.0	Khăng	
79	171216384	Lê Hoàng	Việt	K17XCD3	K17(CIE 321)B	5	5	1.5	9	2	0.0	Khăng	
80	171216388	Hồ Kim	Vĩnh	K17XCD3	K17(CIE 321)A	6	7.5	3.5	8	2.5	0.0	Khăng	
81	171216213	Mai Xuân	Anh	K17XCD4	K17(CIE 321)A	7.5	7	9.5	9	LP	0.0	Khăng	
82	171216230	Nguyễn Tuấn	Cường	K17XCD4	K17(CIE 321)A	0	0	0	0	LP	0.0	Khăng	
83	171216221	Nguyễn Thị	Châu	K17XCD4	K17(CIE 321)B	10	8	7	7	4	5.9	Nằm pháy Chên	
84	171216237	Dương Quốc	Đạt	K17XCD4	K17(CIE 321)A	6	6.5	4	4.5	2.5	0.0	Khăng	

NGÀY THI: 08/03/2013

LẦN THI: 2

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP SINH HOẠT	LỚP MÔN HỌC	ĐIỂM QT HỌC TẬP (%)					ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
						A	KT 1	KT 2	M	F	SỐ	CHỮ	
						15	7	8	15	55	100		
85	171219010	Lê Thành	Đạt	K17XCD4	K17(CIE 321)A	7	7	9	10	2.5	0.0	Khăng	
86	171216241	Bùi Anh	Đức	K17XCD4	K17(CIE 321)A	4.5	8.5	7.5	3.5	4.5	4.9	Bấú phấú Chèn	
87	161215112	Hồ Thái	Hải	K17XCD4	K17(CIE 321)B	4.5	5.5	4.5	5	4	4.4	Bấú phấú Bấú	
88	171216265	Lê Thanh	Hùng	K17XCD4	K17(CIE 321)B	10	7.5	7	6	5	6.2	Sầú phấú Hai	
89	161216463	Nguyễn Đ?nh	Khan	K17XCD4	K17(CIE 321)B	4.5	4	4	4	LP	0.0	Khăng	
90	171216285	Lê Thành	Long	K17XCD4	K17(CIE 321)A	0	0	0	0	LP	0.0	Khăng	
91	171216289	Nguyễn Quang	Minh	K17XCD4	K17(CIE 321)A	10	7	7	6	2.5	0.0	Khăng	
92	171218850	Phạm Thanh	Nam	K17XCD4	K17(CIE 321)B	7	5	2	5.5	2.5	0.0	Khăng	
93	171216297	Nguyễn Đức	Ngọc	K17XCD4	K17(CIE 321)B	10	7	7	5.5	1	0.0	Khăng	
94	171216309	Nguyễn Hồng	Phong	K17XCD4	K17(CIE 321)B	8.5	6	6.5	3	4	4.9	Bấú phấú Chèn	
95	171216313	Phan Thành	Phục	K17XCD4	K17(CIE 321)B	7.5	7	4.5	4	LP	0.0	Khăng	
96	171218845	V? Lê	Quân	K17XCD4	K17(CIE 321)A	3.5	6.5	4	0	LP	0.0	Khăng	
97	171216321	Nguyễn Quang Phú	Quốc	K17XCD4	K17(CIE 321)A	8.5	6	8.5	5.5	4	5.4	Nằú phấú Bấú	
98	171216325	Cao Xuân	Qu?	K17XCD4	K17(CIE 321)A	10	3.5	7.5	4	4	5.1	Nằú phấú Mắú	
99	171216329	Trần Hữu	Sơn	K17XCD4	K17(CIE 321)B	9.5	6	5.5	7.5	2.5	0.0	Khăng	
100	171216333	Chung Anh	Tân	K17XCD4	K17(CIE 321)B	0	0	0	0	LP	0.0	Khăng	
101	171216373	Châu Ngọc	Tú	K17XCD4	K17(CIE 321)B	10	4.5	6.5	4.5	2.5	0.0	Khăng	
102	171216381	Phạm Thanh	Tùng	K17XCD4	K17(CIE 321)A	8.5	7	7	4.5	3	0.0	Khăng	
103	171216337	Trần Văn	Thái	K17XCD4	K17(CIE 321)B	10	4.5	4.5	3.5	4	4.9	Bấú phấú Chèn	
104	171218842	Cao Vũ	Thái	K17XCD4	K17(CIE 321)B	4	4	4	7.5	LP	0.0	Khăng	
105	171216345	Dương Hữu	Thành	K17XCD4	K17(CIE 321)B	10	4.5	6.5	5	4	5.3	Nằú phấú Ba	
106	171216349	Phạm Hữu	Thành	K17XCD4	K17(CIE 321)B	9	4.5	4.5	4.5	4	4.9	Bấú phấú Chèn	
107	161215188	Trần Văn	Thường	K17XCD4	K17(CIE 321)B	5	3	1.5	5.5	LP	0.0	Khăng	
108	171216365	Nguyễn Trần	Trung	K17XCD4	K17(CIE 321)B	10	7.5	7	6.5	2.5	0.0	Khăng	
109	171216385	Trần Quốc	Việt	K17XCD4	K17(CIE 321)A	9	7	7	5.5	2.5	0.0	Khăng	
110	171216389	Lê Văn	Vũ	K17XCD4	K17(CIE 321)B	4	8	0	0	LP	0.0	Khăng	
111	171219042	Phan Xuân	Vũ	K17XCD4	K17(CIE 321)B	4	5.5	1.5	6.5	LP	0.0	Khăng	
112	172227088	V? Anh	Khoa	K17XDC	K17(CIE 321)A	6.5	2	6	1	3	0.0	Khăng	
113	172227084	Trần Minh	Nhật	K17XDC	K17(CIE 321)A	5	7.5	4	4	1.5	0.0	Khăng	
114	172227071	Nguyễn Quang Tấn	Phát	K17XDC	K17(CIE 321)A	9	8	7.5	9	LP	0.0	Khăng	
115	162223421	Nguyễn Anh	Tuấn	K17XDC	K17(CIE 321)B	6	5	4	4	LP	0.0	Khăng	
116	162223411	Lê Hiếu	Thành	K17XDC	K17(CIE 321)B	0	0	0	0	LP	0.0	Khăng	
117	172227078	Hoàng Minh	Trứ	K17XDC	K17(CIE 321)B	6	7	1.5	0	LP	0.0	Khăng	
118	162163200	Lê Minh	Tuấn	K17XDD4	K17(CIE 321)A	0	0	0	0	LP	0.0	Khăng	
119	172217271	Hồ Đức	Thanh	K17XDD4	K17(CIE 321)B	0	0	0	0	LP	0.0	Khăng	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	39	33%	
2	Số sinh viên nợ	80	67%	
TỔNG CỘNG :		119	100%	

LẬP BẢNG

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2013
PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(k? và ghi r? họ tên)

NGÀY THI: 08/03/2013 LẦN THI: 2

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP MÔN HỌC	ĐIỂM QT HỌC TẬP (%)					ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	KT 1	KT 2	M	F	SỐ	CHỮ	
					15	7	8	15	55	100		

Nguyễn Kim Đức

ThS. Nguyễn Hữu Phú